

Số: 14/2017/QĐST-HNGĐ

Lâm Bình, ngày 20 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 16/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu N, thị trấn P, huyện P, Tỉnh P.

Bị đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu N, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Bùi Thị V được quyền nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trần Bùi Hà V sinh ngày 16/9/2008 và cháu Trần Bùi Hà N, sinh ngày 14/8/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị V. Anh Trần Ngọc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/01cháu/01tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, cấp dưỡng theo tháng, bắt đầu từ tháng 9/2017. Cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng.

- *Về tài sản chung*: Anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị V cùng xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh Trần Ngọc T và chị Bùi Thị V cùng xác định không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Trần Ngọc T nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và nhận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí anh Trần Ngọc T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 004638 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh T được khấu trừ vào tiền án phí.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang,
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Thổ Bình (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Bích Ngọc

